



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

|                           |                                                                  |                                            |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/ No: 1361/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 02/06/2025<br>Trang/ Page: 1/2 |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

|                                                                                                |                                                                                                                                               |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 1. Khách hàng yêu cầu:<br><i>Customer:</i>                                                     | <b>CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM BÁC SĨ CAO HỮU THỊNH</b>                                                                                           |  |
| 2. Địa chỉ thử nghiệm:<br><i>Place of testing:</i>                                             | Số 23 Đường Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành Phố Hồ Chí Minh.                                                                                |  |
| 3. Đối tượng thử nghiệm:<br><i>Type of testing:</i>                                            | Mẫu dầu cách điện máy biến áp 160kVA<br><i>160kVA transformer insulating oil sample</i>                                                       |  |
| 4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt:<br><i>Quantity/Installation location:</i>                         | 01 Mẫu/ 01 Sample                                                                                                                             |  |
| 5. Phương pháp thử nghiệm:<br><i>Method of testing:</i>                                        | TN/QT-5; QCVN QTD-5:2009/BCT; IEC 60156; Theo yêu cầu của khách hàng/ <i>At the request of customers</i>                                      |  |
| 6. Thời gian thực hiện:<br><i>Inspection Date:</i>                                             | 01/06/2025                                                                                                                                    |  |
| 7. Thông số kỹ thuật/ <i>Specification:</i>                                                    |                                                                                                                                               |  |
| Loại/ <i>Type:</i> BAND                                                                        | Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i> 02/2011                                                                                             |  |
| Số quản lý/ <i>Serial No:</i> 102160398                                                        | Loại MBA/ <i>Transformer type:</i> Ngâm dầu/ <i>Oil</i>                                                                                       |  |
| Công suất/ <i>Power:</i> 160 kVA                                                               | Tổ đầu dây/ <i>Vector group:</i> Dyn-11                                                                                                       |  |
| Điện áp đm cuộn cao/ <i>Primary rated voltage:</i> 22 kV                                       | Điện áp đm cuộn hạ/ <i>Second rated voltage:</i> 0,4 kV                                                                                       |  |
| Dòng điện định mức cuộn cao/ <i>Primary rated current:</i> 4,2 A                               | Dòng điện định mức cuộn hạ/ <i>Second rated current:</i> 230,9 A                                                                              |  |
| Nấc/ <i>Taps:</i> 2                                                                            | Tần số/ <i>Frequency:</i> 50 Hz                                                                                                               |  |
| Nhà sản xuất/ <i>Manufacture:</i> THIBIDI                                                      |                                                                                                                                               |  |
| 8. Phương tiện thử nghiệm:<br><i>Testing equipment:</i>                                        | JYY-HI                                                                                                                                        |  |
| 9. Điều kiện môi trường:<br><i>Environmental conditions:</i>                                   | ( 32 ± 2 ) °C ; ( 60 ± 5 ) % RH                                                                                                               |  |
| 10. Kết quả thử nghiệm:<br><i>Testing result:</i>                                              | Xem trang sau<br><i>See next page</i>                                                                                                         |  |
| 11. Kết luận<br><i>Conclusion</i>                                                              | Hạng mục thí nghiệm đánh thủng dầu máy biến áp trên hoạt động bình thường/ <i>Test items of transformer oil breakdown on normal operation</i> |  |
| 12. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 06/2026<br><i>Recommended next testing period:</i> |                                                                                                                                               |  |

Người Thực Hiện  
Executor

Đoàn Nguyễn Huy Thắng



Nguyễn Quốc Hoàn



TN/QT-05/M1

Ban hành lần 2

1. Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) chưa được công nhận, hoặc do khách hàng yêu cầu, các chỉ tiêu (\*\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
3. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
4. Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo thông tin khách hàng cung cấp;
5. Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của ETSC.



|                          |                                                                  |                                            |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Số/No: 1361/2025/TN-ETSC | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>CERTIFICATE OF TESTING</b> | Ngày/ Date: 02/06/2025<br>Trang/ Page: 2/2 |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

**10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check:** Không phát hiện bất thường/ Pass.

| Stt<br>No | Đối tượng kiểm tra<br>Check object | Kết quả<br>Result   | Đánh giá<br>Evaluate |
|-----------|------------------------------------|---------------------|----------------------|
| 1         | Kiểm tra màu/ Color check          | Bình thường/ Normal | Đạt/ Pass            |
| 2         | Kiểm tra cặn lắng/ Sediment check  | Bình thường/ Normal | Đạt/ Pass            |
| 3         | Kiểm tra độ nhớt/ Viscous check    | Bình thường/ Normal | Đạt/ Pass            |

**10.2 Điện thế phóng điện dầu(kV)/ Power zoom of oil (kV):**

| Stt<br>No | Điện áp xuyên thủng dầu (kV)/2,5mm<br>Oil breakdown voltage |               | Mức tiêu chuẩn<br>Standard level | Đánh giá<br>Evaluate |
|-----------|-------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------------|----------------------|
| 1         | Lần 1<br>1 <sup>st</sup>                                    | 37,5 kV/2,5mm | $\geq 30\text{kV}/2,5\text{mm}$  | Đạt/ Pass            |
| 2         | Lần 2<br>2 <sup>nd</sup>                                    | 37,7 kV/2,5mm | $\geq 30\text{kV}/2,5\text{mm}$  | Đạt/ Pass            |
| 3         | Lần 3<br>3 <sup>rd</sup>                                    | 37,6 kV/2,5mm | $\geq 30\text{kV}/2,5\text{mm}$  | Đạt/ Pass            |
| 4         | Lần 4<br>4 <sup>st</sup>                                    | 40,2 kV/2,5mm | $\geq 30\text{kV}/2,5\text{mm}$  | Đạt/ Pass            |
| 5         | Lần 5<br>5 <sup>nd</sup>                                    | 43,9 kV/2,5mm | $\geq 30\text{kV}/2,5\text{mm}$  | Đạt/ Pass            |
| 6         | Lần 6<br>6 <sup>rd</sup>                                    | 41,7 kV/2,5mm | $\geq 30\text{kV}/2,5\text{mm}$  | Đạt/ Pass            |
|           | Trung bình<br>Average                                       | 39,8 kV/2,5mm | $\geq 30\text{kV}/2,5\text{mm}$  | Đạt/ Pass            |